

## CHƯƠNG 9

# VIẾT BÁO CÁO CUỐI CÙNG VÀ GỢI Ý CHỌN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU THUỘC CÁC CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ

Chương này gồm có các nội dung chính:

- 9.1. Viết báo cáo cuối cùng;
  - 9.1.1. Các yêu cầu đối với một báo cáo nghiên cứu/luận văn;
  - 9.1.2. Cấu trúc các phần nội dung của một báo cáo nghiên cứu/luận văn;
- 9.2. Gợi ý nội dung báo cáo tiểu luận môn học (bài tập thực hành);
  - 9.2.1. Yêu cầu bài tập tiểu luận;
  - 9.2.2. Giới thiệu bài tập tiểu luận của học viên khóa trước (cao học K6, Khoa Kinh tế – ĐH Quốc gia TP HCM);
- 9.3. Gợi ý lĩnh vực nghiên cứu kinh tế;
- 9.4. Yêu cầu đề cương luận văn thạc sĩ

### 9.1. VIẾT BÁO CÁO CUỐI CÙNG

#### 9.1.1. Yêu cầu cơ bản đối với một báo cáo nghiên cứu

Sau khi đã hoàn thành bước thu thập và phân tích số liệu, chúng ta phải sắp đặt vấn đề nghiên cứu, số liệu thu thập, và những phát hiện hay các khám phá thành một bản báo cáo có tính logic, vững chắc và thuyết phục. Giống như

phương pháp luận và các đề xuất nghiên cứu, các báo cáo nghiên cứu phải tuân theo một khuôn khổ chuẩn hóa rõ ràng.

Trước khi bắt đầu viết báo cáo kết quả cuối cùng của nghiên cứu, chúng ta cần phải xem lại mục đích của báo cáo là gì và báo cáo trình cho ai. Các báo cáo nghiên cứu thường bắt đầu bằng việc tóm tắt mang tính dẫn nhập cung cấp các phần thông tin quan trọng trong báo cáo. Sau tóm tắt là lời nói đầu để giải thích quá trình diễn biến nghiên cứu và cảm ơn những cá nhân hoặc tổ chức đã giúp đỡ trong việc thu thập số liệu, khám phá tìm hiểu vấn đề...

Quá trình viết báo cáo là một công việc phức tạp và mệt mỏi. Bản báo cáo cần phải xúc tích, các khám phá tìm tòi và lí lẽ trình bày phải theo một lối pháp vững vàng và thuyết phục. Điều này cũng có tầm quan trọng để trình bày phương pháp luận và các kết quả nghiên cứu theo cách mà người đọc có thể đánh giá giá trị và tính phù hợp của những khám phá, phát hiện mới.

Chúng ta phải trình bày liệt kê về các phương pháp mà chúng ta vận dụng trong nghiên cứu của mình. Trong đó cần phải nhấn mạnh “điểm mạnh, điểm yếu” và trình bày những chi tiết cần thiết để người đọc có thể đánh giá giá trị và độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu của chúng ta.

Chúng ta cần thuyết phục người đọc *trước tiên* là công việc được thực hiện giống như một nhà nghiên cứu phải tìm tòi nghiên cứu vấn đề cốt lõi với việc thu thập số liệu có hệ thống và việc phân tích số liệu được trình bày logic, dễ đọc, người đọc có thể hiểu được bản báo cáo. *Thứ đến* là chúng ta phải chỉ ra rằng chúng ta đã đi theo một kĩ thuật đúng, một phương pháp khoa học vững chắc mang lại một báo cáo đảm

bảo tiêu chuẩn chất lượng, và chỉ ra được các giả thuyết và kết luận của chúng ta được minh chứng thích đáng bằng lí thuyết hiện hành và chứng cứ thực nghiệm, cũng như chỉ ra rằng có sự logic hợp lí giữa các phần của báo cáo.

Chúng ta cần phải chú ý rằng báo cáo của chúng ta được phát triển trên cơ sở của các nghiên cứu, báo cáo trước và cần có những trích dẫn rõ ràng, tức chúng ta phải làm tăng các giá trị xứng đáng của các nghiên cứu trước đây mà chúng ta đã sử dụng để phát triển nghiên cứu của mình.

### **9.1.2. Cấu trúc chung của một báo cáo khoa học hay một luận văn/luận án**

Các nghiên cứu khác nhau theo đặc thù, lĩnh vực riêng biệt có thể có các cấu trúc theo chương mục khác nhau. Nhưng yêu cầu chung cho một luận văn/luận án hay báo cáo khoa học là như sau:

1. Tên trang bìa
2. Mục lục
3. Tóm tắt thực hiện
4. Liệt kê bảng biểu và các ký hiệu viết tắt được sử dụng
5. Giới thiệu và hình thành vấn đề nghiên cứu
6. Tổng quan lí thuyết
7. Phương pháp luận
8. Những điểm khám phá, tìm tòi và nghiên cứu thực nghiệm (thể hiện trong nội dung các chương)
9. Các kết luận và kiến nghị
10. Lời chú

## 11. Danh mục tài liệu tham khảo

## 12. Phụ lục

*Trang bìa đầu* đề tên tác giả, tên đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài luận văn/luận án, chương trình học (luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ) mã ngành, tên cơ sở đào tạo...

*Mục lục* liệt kê nội dung chương, mục, đánh trang tương ứng, co chữ tiêu đề, mục, chương theo quy định của bộ, trường, viện, cơ quan tương ứng.

*Tóm tắt thực hiện* trình bày rất tóm lược các khía cạnh quan trọng của mỗi phần (chương) trong báo cáo. Thường một tóm tắt như vậy có độ dài khoảng 5% độ dài báo cáo. Nhiều nơi, chương trình đào tạo chuyên ngành kinh tế của các trường quy định báo cáo tóm tắt để riêng, không chung với báo cáo chính, nhưng có chương trình cao học, nhất là chuyên ngành quản trị kinh doanh ở một số trường, phần tóm tắt lại xếp chung vào luận văn và xếp trên cùng một quyển báo cáo chính của luận văn.

*Giới thiệu và đặt vấn đề* là nội dung quan trọng trong chương (phần) mở đầu. Trong phần hay chương này cần làm rõ ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, giải thích lí do lựa chọn vấn đề, đề tài, đặt câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu. Ngoài ra, trong chương/phần giới thiệu, các giả thuyết nghiên cứu, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu phải được trình bày rõ ràng. Các nguồn dữ liệu, cách tiếp cận cũng phải được nêu lên. Và cuối cùng, tóm lược cấu trúc của báo cáo cũng được giới thiệu trong chương hay phần mở đầu này.

*Tổng quan về lí thuyết.* Đối với lĩnh vực nghiên cứu kinh tế, tổng quan lí thuyết có thể được trình bày ở một chương cơ sở lí luận riêng, hoặc có thể trình bày sơ lược ở chương hay

phần mở đầu tùy vào loại nghiên cứu, loại chủ đề. Nhìn chung tổng quan lí thuyết thường được trình bày ở chương một hay chương hai (sau phần hoặc chương mở đầu). Dù trình bày tách biệt thành một chương hay trình bày chung với chương khác, thì lí thuyết phải được làm rõ trong quá trình luận giải vấn đề nghiên cứu. Điều quan trọng là tổng quan lí thuyết phải thể hiện tính nhất quán trong báo cáo và người nghiên cứu phải kiểm tra lại định hướng và thiết kế nghiên cứu qua tổng quan lí thuyết.

*Phương pháp luận.* Trong mục hay chương này chúng ta cần thông báo cho người đọc về thiết kế nghiên cứu của chúng ta, xem nó là thiết kế thăm dò, thiết kế mô tả hay thiết kế nguyên nhân (nhân quả), và lí giải tại sao lại chọn một thiết kế đặc thù như vậy. Chúng ta cần phải xác định rõ các yêu cầu của thiết kế nghiên cứu lựa chọn, và làm thế nào để các yêu cầu đó được đảm bảo. Các thiết kế khác nhau đòi hỏi các phương pháp nghiên cứu khác nhau. Thiết kế thăm dò, mô tả hay nguyên nhân sẽ dẫn đến yêu cầu chúng ta sử dụng các phương pháp định tính hay định lượng để thu thập và phân tích số liệu. Điều này có tác động đến cấu trúc của báo cáo.

Chúng ta cũng cần thông tin cho người đọc về nguồn số liệu thứ cấp và sơ cấp với các minh chứng và lí lẽ thuyết phục. Khi chúng ta thảo luận hay trình bày về số liệu sơ cấp, chúng ta sẽ phải giải thích việc chúng ta đã thu thập thông tin đó như thế nào, và cần phải trình bày về tổng thể đối tượng nghiên cứu và cách chọn mẫu, cũng như nghiên cứu sâu trường hợp (tình huống), chọn tình huống như thế nào và tại sao lại chọn tình huống như vậy. Khi viết về thu thập dữ liệu, chúng ta cần giải thích trong báo cáo cái gì chúng ta đã làm,

làm như thế nào và tại sao chúng ta lại sử dụng phương pháp đặc thù này.

*Các khám phá* (điểm mới của nghiên cứu/luận văn/luận án). Trong nghiên cứu thực nghiệm, cái gì chúng ta tìm được từ thu thập dữ liệu sẽ được giải trình ở phần này. Đây là phần chính yếu của báo cáo vì những khám phá được trình bày chi tiết với sự trợ giúp của các bảng biểu, sơ đồ. Ở đây chúng ta phải trở lại với câu hỏi: Nghiên cứu hoặc các giả thuyết ban đầu và các khám phá (kết quả) trình bày có theo đúng hay có trả lời cho các câu hỏi/giả thuyết nghiên cứu một cách hệ thống, cấu trúc và logic hay không? Công việc quan trọng nhất ở đây là phải phân loại những thông tin không thích hợp và trình bày các khám phá, tìm tòi mới.

*Các kết luận và kiến nghị*. Trong phần kết luận cần phải đúc kết những gì tìm ra từ nghiên cứu có trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra hay không, có đi theo mục tiêu ban đầu đề ra hay không. Cần phải có các kết luận cho từng điểm. Nếu như các thông tin thu thập và các phân tích không đáp ứng để rút ra các kết luận, cần phải xác nhận điều này một cách rõ ràng (những hạn chế của đề tài), và cần có kiến nghị cho các nghiên cứu tiếp theo. Các kiến nghị đề nghị đề xuất phải dựa vào những khám phá và các kết luận rút ra từ các khám phá, tìm tòi mới. Cần phải có sự phù hợp và logic giữa các kiến nghị, gợi ý với các kết luận.

*Các chú thích*. Giá trị của báo cáo còn phụ thuộc vào các lí lẽ và nguồn tư liệu sử dụng, trích dẫn. Uy tín đối với các nguồn tư liệu được thể hiện ở hai cách: đưa ra danh sách tài liệu tham khảo và các ghi chú trích dẫn tài liệu ở các trang.

*Danh mục tài liệu tham khảo.* Đây là danh mục các sách, tài liệu tham khảo liên quan đến đối tượng nghiên cứu cần được đề cập trong báo cáo. Sự sắp xếp danh mục tài liệu tham khảo có thể theo thứ tự alphabê: tên tác giả hoặc tên cơ quan nếu là cơ quan đứng tên, hoặc tên đầu sách/tạp chí, đồng thời nếu sử dụng nhiều đầu sách của một tác giả thì có thứ tự năm theo năm gần nhất trước.

*Về hình thức* trình bày như cơ chữ, khổ giấy, tên tiêu đề... do từng đơn vị nghiên cứu/ đào tạo quy định.

*Các phụ lục* giải trình những vấn đề lí thuyết và các bảng số liệu có liên quan để minh chứng làm rõ thêm nguồn gốc số liệu, các khám phá, và các giải trình.

## **9.2. GỢI Ý NỘI DUNG BÁO CÁO TIỂU LUẬN MÔN HỌC (BÀI TẬP THỰC HÀNH)**

### **9.2.1. Yêu cầu nội dung báo cáo tiểu luận môn học (bài tập thực hành)**

Hãy đề xuất ý tưởng nghiên cứu đề tài luận văn thuộc lĩnh vực mà anh hay chị quan tâm hiện nay

Nội dung tiểu luận đề xuất ý tưởng đề tài nghiên cứu được trình bày với độ dài từ 4 đến 5 trang theo các đề mục dưới đây:

#### **(1) Tên đề tài dự kiến**

Tên tiêu đề đề tài nghiên cứu thể hiện nội dung một lĩnh vực dự kiến nghiên cứu nào đó. Tên đề tài cần rõ ràng, càng ngắn càng tốt, thể hiện được bản chất của vấn đề nghiên cứu dự kiến.

**(2) Nêu lên tính thời sự, tính cấp bách của vấn đề nghiên cứu dự kiến**

Nếu bật được vấn đề, li lẽ chọn vấn đề, sự cần thiết phải có kiến thức mới. Phải nêu được vấn đề cần nghiên cứu mang tính cấp bách, thiết thực, luận cứ phải làm nổi bật lí do chọn vấn đề nghiên cứu.

### **(3) Các câu hỏi nghiên cứu**

Từ sự cần thiết và luận cứ lựa chọn vấn đề nghiên cứu nêu trên cần đặt ra các câu hỏi nghiên cứu (câu hỏi nghiên cứu phải rõ ràng, cụ thể, là cơ sở để đưa ra các giả thuyết và đề ra mục tiêu nghiên cứu).

### **(4) Các giả thuyết chính**

Chuyển các câu hỏi thành các giả thuyết có thể kiểm chứng được và sẽ được sử dụng để định hướng quá trình thu thập số liệu và phân tích số liệu để kiểm chứng giả thuyết được nêu ra và trả lời các câu hỏi nghiên cứu đặt ra.

### **(5) Phương pháp luận nghiên cứu**

Khi các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu đã được xác định rõ ràng thì mục đích của phương pháp luận là để chỉ ra các câu hỏi trên sẽ được trả lời như thế nào, theo một cách khoa học nhất. Phải nêu rõ cơ sở lí thuyết, các thiết kế nghiên cứu dự kiến và các phương pháp nghiên cứu ứng với thiết kế nghiên cứu lựa chọn, bước đi thích hợp để thực hiện nghiên cứu theo thiết kế nghiên cứu.

### **(6) Các nguồn số liệu dự kiến**

Làm rõ nguồn số liệu thứ cấp lấy từ đâu có đảm bảo độ tin cậy hay không. Có cần số liệu sơ cấp hay không. Nếu cần phải tiến hành bằng phương pháp nào.

### **(7) Tóm lược đề tài luận văn nghiên cứu dự kiến**



Cần mô tả mục tiêu đề tài dự kiến sẽ đạt được (về mặt lý thuyết, về mặt thực tiễn), kết quả sản phẩm nghiên cứu dự kiến sẽ khám phá ra điều gì từ vấn đề nghiên cứu, từ việc áp dụng phương pháp luận khoa học để đưa lại kết quả mong đợi nào.

## **9.2.2. Giới thiệu bài tập tiểu luận của học viên khóa trước**

*(Bài tiểu luận của Trần Tân Anh Phương, học viên cao học K6, chuyên ngành: Kinh tế học, Khoa Kinh tế – ĐH Quốc gia TP HCM)*

**1. Tên đề tài:** Các yếu tố ảnh hưởng đến vị trí việc làm của sinh viên ngành “Kinh tế công, Kinh tế học” của Khoa Kinh tế – Đại học Quốc gia TP HCM

### **2. Tính thời sự, cấp bách của vấn đề tài nghiên cứu**

Khoa Kinh tế – ĐHQG TP HCM được thành lập từ năm 2000, đến nay Khoa đã có 9 ngành đào tạo (Kinh tế học, Kinh tế công, Kinh tế đối ngoại, Tài chính–Ngân hàng, Kế toán–Kiểm toán; Tin học quản lý, Quản trị kinh doanh, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế), đã có hai khóa tốt nghiệp ra trường, trong đó có hai khóa đầu tiên thuộc hai ngành “Kinh tế công” và “Kinh tế học”. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng sinh viên của ngành Kinh tế học và Kinh tế công ra trường thường phải làm các công việc không đúng nghề, đặc biệt là hiện tượng sinh viên đang học các ngành này lo lắng về vị trí việc làm sau khi ra trường, và đã đi học thêm một số môn học thuộc các chuyên ngành khác. Phải chăng những sinh viên ngành này không hài lòng với chính ngành học, chương trình học của mình, họ lo ngại với kiến thức mà nhà trường đã trang bị không gần với thực tế công việc yêu cầu, nhất là

trong giai đoạn thị trường việc làm đang diễn ra sự cạnh tranh gay gắt trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế? Hay là vì xã hội chưa có vị trí, hoặc chính sách thu hút chưa thích đáng đối với các ngành liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế, thực hiện các phân tích kinh tế vĩ mô, ứng dụng kinh tế học vào điều hành và quản lý các hoạt động công trong các cơ quan quản lý nhà nước? Thực tế đã chứng minh, không phải chỉ riêng Khoa Kinh tế – ĐH Quốc gia TP HCM, mà nhiều trường đại học khác ở phía Nam, ngay cả trường có kinh nghiệm lâu năm như Trường đại học Kinh tế TP HCM cũng rất khó tuyển sinh vào học các ngành này (Kinh tế học, Kinh tế công). Nhiều sinh viên có kết quả học tập tốt khi ra trường cũng không kiếm được vị trí việc làm tốt, để thể hiện được năng lực, và có được mức lương tương xứng với khả năng. Vậy nguyên nhân hay nhân tố nào tác động đến vị trí làm việc của những sinh viên tốt nghiệp các ngành này?

Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi đã chọn nghiên cứu vấn đề sau: **“Các yếu tố ảnh hưởng đến vị trí việc làm của sinh viên ngành “Kinh tế học” và “Kinh tế công” của Khoa Kinh tế – ĐHQG TP HCM”**.

### **3. Mục tiêu của đề tài**

Mục tiêu của đề tài là nhằm tìm hiểu xem các nhân tố nào tác động đến vị trí việc làm của sinh viên các ngành Kinh tế học, Kinh tế công. Mục đích cụ thể của đề tài là:

- Thứ nhất, khảo sát nhằm thăm dò, xác định những nguyên nhân nào làm ảnh hưởng đến vị trí việc làm của sinh viên ngành Kinh tế học và Kinh tế công thuộc Khoa Kinh tế – ĐHQG TP HCM.

- *Thứ hai*, sau khi đã xác định các nguyên nhân sẽ kiểm chứng để xem nguyên nhân nào tác động chính (những yếu tố tác động chính là từ chương trình đào tạo hay từ nhà tuyển dụng hay cả hai?).
- *Thứ ba*, sau khi xác định nguyên nhân chính sẽ đề ra hướng giải pháp thích hợp nhằm tăng cường năng lực tìm được vị trí việc làm tốt cho sinh viên các ngành Kinh tế học và Kinh tế công của Khoa.

#### **4. Câu hỏi nghiên cứu**

- Các yếu tố nào ảnh hưởng đến vị trí việc làm của sinh viên ngành Kinh tế học và Kinh tế công của Khoa Kinh Tế sau khi ra trường? Những nguyên nhân hay nhân tố từ các chương trình học là gì? Những nguyên nhân từ phía các nhà tuyển dụng (cơ quan nhà nước) là gì?
- Nguyên nhân nào là nguyên nhân chính, hay yếu tố có tính quyết định ảnh hưởng đến khả năng tìm được vị trí việc làm tương xứng với kiến thức và năng lực của sinh viên các ngành Kinh tế học/Kinh tế công của Khoa Kinh tế?
- Những giải pháp nào có thể giúp cho sinh viên ngành Kinh tế học và Kinh tế công sau khi ra trường có việc làm tương xứng?

#### **5. Các giả thuyết chính**

##### ***Giả thuyết 1:***

Các yếu tố ảnh hưởng đến vị trí việc làm của sinh viên Khoa Kinh tế sau khi tốt nghiệp có thể bao gồm các nhóm yếu tố sau:

(1) Các yếu tố từ năng lực của sinh viên và chương trình đào tạo

- Năng lực tự sinh của sinh viên (kết quả học tập và các kĩ năng cần thiết cho việc tìm được một vị trí việc làm tốt như: tin học, ngoại ngữ,...);
- Các mối quan hệ xã hội của sinh viên (cơ hội);
- Chương trình giảng dạy (các môn học), chất lượng giảng dạy (đội ngũ giảng viên, giáo trình, phương pháp dạy–học...);

(2) Các nhân tố từ phía xã hội – nhà tuyển dụng

- Ngành học (nhu cầu ít do mức độ quan tâm của nhà tuyển dụng – các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp công...);
- Lương (mức lương của các cơ quan nhà nước không hấp dẫn, khó thu hút);
- Khả năng thăng tiến từ các đơn vị tuyển dụng (hạn chế);
- Môi trường làm việc (mức độ chuyên nghiệp, văn hóa công sở...).

### ***Giả thuyết 2:***

Liệu có phải năng lực tự sinh của sinh viên, chương trình học, chất lượng giảng dạy, ngành học, và mức lương là những nhân tố có tác động chính, và tác động đồng biến với yếu tố vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế học, Kinh tế công.

### ***Giả thuyết 3:***

Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận việc làm tương xứng của sinh viên ngành Kinh tế học và Kinh tế công về phía đào tạo có thể là thay đổi chương trình học cho phù hợp

(như tăng các môn học về ứng dụng kinh tế học trong kinh doanh...); Giải pháp về phía nhà tuyển dụng là tạo cơ hội cho sinh viên ra trường làm việc trong các cơ quan nhà nước với mức lương tương xứng và môi trường làm việc, khả năng thăng tiến....

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lí thuyết về chương trình đào tạo, việc làm kết hợp với nghiên cứu thực tiễn và sử dụng phương pháp phân tích nhân tố, phương trình hồi quy để khám phá các mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc (các nhân tố tác động với vị trí việc làm).

Đề tài sử dụng tổng hợp ba dạng thiết kế nghiên cứu là: Thiết kế nghiên cứu thăm dò để xác định các nhân tố tác động đến vị trí việc làm của sinh viên ngành Kinh tế học, Kinh tế công. Kế đến là áp dụng thiết kế nghiên cứu mô tả để mô tả các nhân tố làm rõ đặc thù của ngành học, tình hình thực tế qua số liệu thống kê mô tả bức tranh về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp ra trường đối với hai ngành học nghiên cứu, luận cứ các biến số (biến độc lập, biến phụ thuộc); và thiết kế nghiên cứu nguyên nhân – xây dựng mô hình thể hiện mối quan hệ, đánh giá mức độ tác động của từng nhân tố lên vị trí việc làm (việc làm đúng ngành nghề đào tạo hay mức độ hài lòng của sinh viên với công việc hiện tại). Ứng với mỗi thiết kế nghiên cứu nêu trên, các phương pháp được áp dụng là các phương pháp định tính và các phương pháp định lượng. Các phương pháp định tính thông qua thảo luận nhóm (nhóm sinh viên, nhóm giảng viên tham gia đào tạo) và nhóm đại diện cho các cơ quan tuyển dụng chuyên ngành đào tạo. Trước khi áp dụng phân tích định

lượng qua mô hình hồi qui, số liệu khảo sát thăm dò sẽ được phân tích để xác định phân nhóm các nhân tố tác động, đồng thời sử dụng các kiểm định thống kê để loại những biến rác, và đánh giá mức độ độc lập giữa các biến.

Đề tài sẽ đi sâu tìm hiểu các yếu tố tác động đến vị trí việc làm của sinh viên ngành Kinh tế học và Kinh tế công thuộc Khoa Kinh tế – ĐH Quốc gia TP HCM. Số liệu thu thập qua khảo sát dựa vào bảng hỏi với các thang đo cho từng vấn đề, vận dụng mô hình hồi quy phân tích nhân tố với chương trình SPSS để xử lý thông tin. Mô hình nghiên cứu thể hiện mối quan hệ giữa vị trí việc làm của sinh viên với các nhân tố có thể là:

Gọi Y là biến phụ thuộc (vị trí công việc), với  $y = 0$  là không có việc làm;  $y = 1$  là có việc làm hài lòng, đúng chuyên ngành đào tạo, mức lương tạm được;  $y = 2$  là vị trí việc làm không hài lòng (không đúng chuyên ngành, mức lương thấp hoặc vừa phải).

Biến độc lập  $X_1, X_2, X_3, X_4, X_5$ , trong đó:  $X_1$  là kết quả học tập được phân theo 4 bậc (xuất sắc, giỏi, khá, trung bình)  $X_2$  - chương trình học (tốt, trung bình, chưa đạt);  $X_3$  - mức lương  $X_4$  - trình độ đội ngũ giáo viên,  $X_5$  - Môi trường làm việc (tốt trung bình, xấu).

Mô hình hồi quy tương quan có thể viết dưới dạng đa biến, tuyến tính như sau:

$$Y = a + bX + cY + dZ + e\epsilon + f\beta$$

Kết quả phân tích qua mô hình sẽ cho biết nhân tố nào có tác động chính đến vị trí công việc của sinh viên ngành nghiên cứu.

## **7. Các nguồn số liệu dự kiến**

### **7.1. Dữ liệu thứ cấp**

- Kết quả học tập của sinh viên được lấy từ phòng đào tạo của khoa
- Các báo cáo tổng hợp của phòng Đào tạo, các số liệu đã được thống kê như: số lượng sinh viên tốt nghiệp của các ngành, tỉ lệ sinh viên đạt loại khá, giỏi, trung bình qua các năm, tỉ lệ sinh viên đã tìm được việc làm ...
- Các báo cáo của bộ môn về tình hình học tập, số lượng, chất lượng ... của sinh viên, chất lượng giảng dạy của giảng viên.
- Các số liệu, thông tin thu thập từ Văn phòng đoàn để đánh giá, tìm hiểu các kĩ năng và tính năng động của sinh viên.
- Các đề tài nghiên cứu trước đó.

### **7.2. Dữ liệu sơ cấp**

- Khảo sát thăm dò các đối tượng: nhóm sinh viên tốt nghiệp của hai ngành; nhóm giảng viên tham gia giảng các môn học chuyên ngành; nhóm các nhà tuyển dụng gồm đại diện các cơ quan nhà nước, đại diện doanh nghiệp....

- Nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập được thông qua việc phát phiếu điều tra với phương pháp chọn mẫu theo tỷ lệ và lên danh sách sinh viên, đơn vị tuyển dụng, chọn đại diện và ngẫu nhiên tên sinh viên theo danh sách.

- Lấy tỉ lệ là 30% sinh viên đã tốt nghiệp của 02 chuyên ngành là Kinh tế học, Kinh tế công.

- Thông tin thu thập phụ thuộc vào yếu tố cần xác định, xây dựng thang đo và đánh giá nhận định của sinh viên qua các thang đo;

- Các đơn vị tuyển dụng được phát phiếu phỏng vấn riêng về nhận thức và quan điểm của họ đối với vấn đề tuyển dụng liên quan đến chương trình đào tạo hai ngành học khảo sát.

## **8. Kết quả nghiên cứu dự kiến**

Trên cơ sở nghiên cứu các yếu tố chính ảnh hưởng đến việc có được một vị trí việc làm tốt của sinh viên Khoa Kinh tế, đề tài hy vọng sẽ xác định được các nhân tố chính như: khả năng tự sinh của sinh viên, chương trình giảng dạy, và ngành học; ngoài ra, yếu tố lương và yếu tố cơ hội từ phía xã hội tác động không đáng kể. Qua đó đề tài sẽ có hướng đề xuất các giải pháp cần thiết nhằm giúp sinh viên có thể khắc phục những mặt còn yếu kém hoặc phát huy những thế mạnh của mình và đưa ra các kiến nghị với Khoa Kinh tế về việc cải tiến chương trình đào tạo cũng như kiến nghị với các nhà tuyển dụng là các cơ quan nhà nước cải tiến môi trường làm việc để thu hút sinh viên đúng vị trí công việc.

Kết quả nghiên cứu có thể được xem như là bản tham khảo nhằm mục đích giúp cho sinh viên định hướng việc học của mình từ đó tạo cho mình một năng lực vững chắc để kiếm được một vị trí việc làm phù hợp trong tương lai.

Thí dụ một số câu hỏi trong bảng hỏi sinh viên:

1. Xin anh (chị) cho biết anh chị có việc làm hay chưa, nếu có thì vị trí công việc của anh (chị) trong công ty như thế nào?  
a/. Không có việc làm.



b/. Nếu có:

1. Vị trí đúng chuyên ngành.
  2. Vị trí thấp – không đúng chuyên ngành.
2. Xin anh (chị) cho biết xếp loại kết quả học tập của anh (chị) sau khi tốt nghiệp:

<b>G</b>	<b>K</b>	<b>TB</b>	<b>Y</b>	<b>K</b>
1	2	3	4	5

3. Anh (chị) đánh giá thế nào về chương trình học và chất lượng giảng dạy của Khoa Kinh tế – ĐHQG mà anh (chị) đã được hưởng thụ?

<b>Rất tốt</b>	<b>Tốt</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Không tốt</b>	<b>Hoàn toàn không tốt</b>
1	2	3	4	5

4. Xin anh (chị) cho biết anh (chị) có nhận định gì về quan điểm sau: “*Anh (chị) quyết định chọn lựa công việc hiện tại là vì yếu tố tác động của lương*”:
- a/. Đồng ý.
  - b/. Đồng ý một phần.
  - c/. Hoàn toàn không đồng ý.
5. Xin anh (chị) cho biết: có phải lợi thế về ngành học giúp anh (chị) dễ kiếm việc và có một vị trí công việc tốt không?
- a/. Có.

b/. Không.

6. Xin anh (chị) cho biết việc anh (chị) có được một vị trí việc làm tốt là dựa vào chính khả năng của mình hay dựa vào cơ hội (lợi thế quan hệ xã hội có sẵn) của chính cá nhân?

a/. Dựa vào bản thân.

b/. Có lợi thế quan hệ xã hội sẵn có.

### **9.3. GỢI Ý CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CÓ THỂ LỰA CHỌN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU THUỘC CÁC CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ**

#### **(1)-Nghiên cứu phát triển**

- Tăng trưởng và phát triển kinh tế (tác động của các nhân tố đến tăng trưởng kinh tế...)
- Phát triển kinh tế và công bằng xã hội, vấn đề nghèo đói;
- Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực;
- Phát triển các ngành kinh tế (cơ sở phát triển hay định hướng phát triển ngành, mối quan hệ liên ngành, phát triển ngành kinh tế chủ lực...);
- Đầu tư nước ngoài (môi trường đầu tư, tác động của đầu tư nước ngoài đến tăng trưởng và phát triển kinh tế...);
- Đầu tư tư nhân (môi trường đầu tư tư nhân, các nhân tố thúc đẩy đầu tư tư nhân...);
- Tiết kiệm, đầu tư và tăng trưởng (mối quan hệ giữa đầu tư, tiết kiệm, tiêu dùng và tăng trưởng, cơ cấu đầu tư, chất lượng đầu tư...);

- Các chính sách thuế và phát triển (tác động của chính sách thuế đến đầu tư và tăng trưởng, ...);
- Cải cách DNNN (các hình thức cải cách, hiệu quả của mỗi hình thức...);
- Phát triển nông nghiệp nông thôn (mô hình kinh tế nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, việc làm và thất nghiệp ở các vùng nông thôn...);
- Thương mại quốc tế và hội nhập (cạnh tranh sản phẩm, cạnh tranh doanh nghiệp, cạnh tranh vùng, cạnh tranh quốc gia với quá trình hội nhập, tác động của hội nhập đối với phát triển kinh tế, giảm nghèo...);
- Các định chế tài chính trung gian (phát triển các định chế tài chính trung gian với tăng trưởng kinh tế, phát triển tín dụng, các kênh huy động vốn...);
- Thất nghiệp, việc làm...

## **(2)-Các vấn đề kinh tế vĩ mô khác**

- Tín dụng ngân hàng (tín dụng, lãi suất, huy động vốn, rủi ro, thanh toán quốc tế...);
- Chu kỳ kinh tế là lạm phát;
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Môi trường đầu tư;
- Môi trường kinh doanh;
- Cải cách hành chính;
- Khủng hoảng tài chính/kinh tế khu vực tác động đến nền kinh tế Việt Nam;

- Giáo dục đào tạo;
- Công nghệ, quản lí công nghệ;
- Cạnh tranh và hội nhập (chiến lược cạnh tranh ngành, năng lực cạnh tranh...);
- Chính sách xuất nhập khẩu...;
- Vấn đề sở hữu và quyền sở hữu;
- Thị trường, các loại thị trường (hàng hóa, bất động sản, lao động, tiền tệ, chứng khoán...);
- Phát triển các sản phẩm của thị trường tài chính, cơ sở hạ tầng thị trường tài chính...;
- Cơ chế phân phối...

### **(3)–Lĩnh vực vi mô**

- Chiến lược cạnh tranh doanh nghiệp;
- Những vấn đề quản trị trong doanh nghiệp;
- Các yếu tố cạnh tranh sản phẩm;
- Chiến lược marketing;
- Mô hình tổ chức DN (tổng công ty, tập đoàn, công ty mẹ, công ty con...);
- Chiến lược chiếm lĩnh thị trường;
- Thẩm định dự án đầu tư;
- Marketing địa phương...;
- Phân tích chính sách cổ tức, định giá doanh nghiệp, định giá cổ phiếu;
- Quản lí rủi ro và danh mục đầu tư, rủi ro tín dụng...